

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Số: 16139 /BTC-ĐT**


V/v thông báo tình hình giải ngân
vốn đầu tư XD CB và vốn TPCP 9
tháng năm 2012 của các Bộ, ngành
Trung ương

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2012

Kính gửi: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
cơ quan khác ở Trung ương, Tập đoàn kinh tế, Tổng
công ty nhà nước.


Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 102/QĐ-TTg ngày 18/01/2012 về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2012; số 512/QĐ-TTg ngày 29/4/2012 về giao dự toán ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2012; số 368/QĐ-TTg ngày 03/4/2012, số 602/QĐ-TTg ngày 24/5/2012, số 699/QĐ-TTg ngày 09/6/2012 và số 1515/QĐ-TTg ngày 15/10/2012 về giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 và năm 2012;

Bộ Tài chính thông báo tình hình giải ngân vốn đầu tư XD CB nguồn ngân sách nhà nước và nguồn trái phiếu Chính phủ 9 tháng năm 2012 của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước đến hết ngày 30/9/2012 (theo biểu đính kèm).

Đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương thực hiện kịp thời, đầy đủ các quy định về quản lý vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011, Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05/9/2012 và Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 và Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 30/5/2012 của Chính phủ nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản và tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp; chỉ đạo các chủ đầu tư khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư của các dự án theo quy định; đẩy nhanh công việc đấu thầu, thi công công trình, nghiệm thu khối lượng hoàn thành nhằm thực hiện ngay việc giải ngân cho các dự án; tập trung chỉ đạo trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng, tích cực xử lý các vướng mắc phát sinh nhằm hoàn thành tốt kế hoạch vốn đầu tư Nhà nước giao năm 2012./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Vụ NSNN, Vụ I, KBNN;
- Lưu: VT, ĐT. (90)

**PHẠM SỸ DANH**
THỦ TRƯỞNG

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ XDCB VÀ VỐN TPCP 9 THÁNG NĂM 2012
THUỘC CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ

(Kèm theo công văn số: 46139/BTC-ĐT ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Bộ, ngành	KHNN giao 2012	Thanh toán hết 30/9/2012	
			Tổng số	%/KH
1	2	3	4	5
1	Vốn XDCB tập trung:	41.000.356	26.925.647	65,7%
	Vốn trong nước	32.835.356	18.038.425	54,9%
	Vốn ngoài nước	8.165.000	8.887.222	108,8%
1	Đài Truyền hình Việt Nam	140.300	206.680	147,3%
	Vốn trong nước	60.300	36.422	60,4%
	Vốn ngoài nước	80.000	170.258	212,8%
2	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	295.000	340.422	115,4%
	Vốn trong nước	195.000	83.856	43,0%
	Vốn ngoài nước	100.000	256.566	256,6%
3	Bộ Giao thông vận tải	7.909.000	8.187.299	103,5%
	Vốn trong nước	4.091.000	2.570.574	62,8%
	Vốn ngoài nước	3.818.000	5.616.725	147,1%
4	Liên đoàn bóng đá Việt Nam	10.000	9.738	97,4%
5	Hội Nhạc sỹ Việt Nam	10.000	9.578	95,8%
6	Ban quản lý Làng Văn hoá du lịch các dân tộc Việt Nam	161.500	145.711	90,2%
7	Ủy ban Dân tộc	50.000	43.340	86,7%
8	Đường sắt Việt Nam	2.367.000	2.031.242	85,8%
	Vốn trong nước	1.070.000	817.292	76,4%
	Vốn ngoài nước	1.297.000	1.213.950	93,6%
9	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	321.000	260.511	81,2%
10	Hội đồng Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam	34.000	27.536	81,0%
11	Bộ Công an	5.200.000	4.052.065	77,9%
12	Hội Cựu chiến binh Việt Nam	20.500	15.488	75,6%
13	Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam	141.500	102.037	72,1%
14	Toà án nhân dân tối cao	490.000	339.421	69,3%
15	Bộ Y tế	1.132.900	759.215	67,0%
	Vốn trong nước	1.102.900	506.987	46,0%
	Vốn ngoài nước	30.000	252.228	840,8%
16	Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam	40.000	26.195	65,5%
17	Văn phòng Trung ương Đảng	303.000	188.427	62,2%
18	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	604.483	372.361	61,6%

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Bộ, ngành	KHNN giao 2012	Thanh toán hết 30/9/2012	
			Tổng số	%/KH
1	2	3	4	5
19	Bộ Quốc phòng	5.323.800	3.241.384	60,9%
	Vốn trong nước	5.253.800	3.241.384	61,7%
	Vốn ngoài nước	70.000	0	0,0%
20	Hội Nhà báo Việt Nam	12.000	7.107	59,2%
21	Ban quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	178.700	105.320	58,9%
22	Bộ Công thương	455.400	238.190	52,3%
23	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4.786.300	2.342.904	49,0%
	Vốn trong nước	2.436.300	1.102.788	45,3%
	Vốn ngoài nước	2.350.000	1.240.116	52,8%
24	Bộ Tư pháp	470.000	226.951	48,3%
25	Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	293.600	140.577	47,9%
26	Kiểm toán Nhà nước	99.000	45.273	45,7%
27	Đài Tiếng nói Việt Nam	175.700	79.856	45,5%
28	Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	86.500	38.560	44,6%
29	Bộ Giáo dục và Đào tạo	929.687	413.785	44,5%
	Vốn trong nước	844.687	370.351	43,8%
	Vốn ngoài nước	85.000	43.434	51,1%
30	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	560.400	243.550	43,5%
31	Bộ Tài nguyên và Môi trường	894.500	378.008	42,3%
	Vốn trong nước	779.500	352.100	45,2%
	Vốn ngoài nước	115.000	25.908	22,5%
32	Bộ Thông tin truyền thông	549.400	230.409	41,9%
	Vốn trong nước	429.400	194.413	45,3%
	Vốn ngoài nước	120.000	35.996	30,0%
33	Viện Khoa học công nghệ Việt Nam	186.050	75.063	40,3%
34	Bộ Tài chính	562.500	206.855	36,8%
35	Viện Khoa học xã hội Việt Nam	103.500	36.740	35,5%
36	Bộ Xây dựng	1.821.300	627.031	34,4%
37	Hội Nhà văn	24.000	8.185	34,1%
38	Thanh tra Chính phủ	89.700	30.283	33,8%
39	Ban quản lý Khu công nghệ cao Hoà Lạc	623.000	206.196	33,1%
	Vốn trong nước	523.000	174.155	33,3%
	Vốn ngoài nước	100.000	32.041	32,0%
40	Bộ Khoa học và Công nghệ	241.000	79.685	33,1%
41	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	40.000	13.001	32,5%
42	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	385.500	123.169	32,0%
43	Hội Nghệ sỹ nhiếp ảnh Việt Nam	2.000	600	30,0%

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Bộ, ngành	KHNN giao 2012	Thanh toán hết 30/9/2012	
			Tổng số	%/KH
1	2	3	4	5
44	Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch	605.200	175.802	29,0%
45	Học viện chính trị, hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh	93.000	26.885	28,9%
46	Ủy ban Trung ương mặt trận tổ quốc Việt Nam	11.000	2.777	25,2%
47	Bộ Ngoại giao	924.100	232.973	25,2%
48	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	10.000	2.337	23,4%
49	Hội Nông dân Việt Nam	251.300	58.097	23,1%
50	Văn phòng Quốc hội	441.000	94.394	21,4%
51	Thông tấn xã Việt Nam	105.100	17.170	16,3%
52	Đại học Quốc gia Hà Nội	172.000	28.010	16,3%
53	Bộ Nội vụ	132.500	20.675	15,6%
54	Ngân hàng Nhà nước	49.500	7.146	14,4%
55	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam	45.000	3.434	7,6%
56	Ngân hàng chính sách xã hội	30.000	0	0,0%
57	Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam	6.936	0	0,0%
II	Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ	15.284.735	9.482.140	62,0%
1	Bộ Công an	30.000	30.000	100,0%
2	Bộ Quốc phòng	2.098.563	1.847.171	88,0%
3	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3.323.389	2.147.976	64,6%
4	Bộ Giao thông vận tải	9.406.327	5.258.572	55,9%
5	Bộ Y tế	426.456	198.421	46,5%

19